



Bài số 2:

"LỄ BÁI TRONG ĐẠO CAO ĐÀI"

(HDV: HT. Nguyễn Trung Đạo)

➡ **Xin Click vào: [BÀI ĐỌC THÊM](#)** (Kèm theo Bài số 02 "LỄ BÁI TRONG ĐẠO CAO ĐÀI")

* * *

I- VIỆC CÚNG KIẾNG.

Kinh Nhựt Tụng trong Đạo Cao Đài được gọi là Kinh Tứ Thời, vì mỗi ngày cúng bốn thời, vào các thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, tức 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng, và 6 giờ chiều.



Đàn cúng tại Tòa Thánh Tây Ninh

Mỗi thời cúng, đọc các bài Kinh sau đây:

- Niệm Hương
- Khai Kinh
- Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế
- Kinh Phật Giáo
- Kinh Tiên Giáo
- Kinh Nho Giáo
- Dâng Rượu (Thời 12 giờ), hoặc Dâng Trà (Thời 6 giờ),
- Cuối cùng là Ngũ Nguyên.

Trong những ngày Sóc, Vọng (Mùng một và Rằm), và những ngày Lễ vía, sau bài Kinh Nho Giáo thì thài đủ ba bài Dâng Tam Bửu:

- Dâng Hoa tượng trưng cho TINH (Tức Mảnh hình hài).
- Dâng Rượu tượng trưng cho KHÍ (Tức Chơn thần).
- Dâng Trà tượng trưng cho THẦN (Tức Linh hồn).

a- Dứt bài Dâng Hoa, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn:

"Con xin dâng Mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng".

b- Dứt bài Dâng Rượu, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn:

“Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

c- Dứt bài Dâng Trà, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn:

“Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

Xong, niệm tiếp: **“Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài của con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”** (Đó là lời dạy của Đức Hộ Pháp khi thuyết Đạo).

Vào mỗi chiều 14 và 30 (Hoặc 29) Âm lịch, sau thời cúng Dâu Thờ, nơi các Thánh Thất và Điện Thờ Phật Mẫu đều có tụng Kinh Di Lạc, Kinh Cứu Khổ, và Kinh Sám Hối, còn ngày thường thì ai muốn tụng càng tốt.

Còn ở Tòa Thánh, sau mỗi thời cúng Dâu Thờ tại Đền Thánh và Đền Thờ Phật Mẫu đều có tụng Kinh Di Lạc và Cứu Khổ để cầu nguyện cho Nhơn sanh bớt khổ, đồng thời siêu độ cho chư Vong linh còn ẩn náo nơi cõi trần. Nên biết rằng Di Lạc Chơn Kinh, do Đức Phật Thích Ca giảng Cơ ban cho là một phần quan trọng của Kinh Tận Độ trong Đạo Cao Đài.

Ngoài ra, trong những trường hợp khác thì đều có Kinh thích hợp theo mỗi trường hợp, như: Kinh Tắm Thánh, Kinh Giải Oan, Kinh Hôn Phối, Kinh Tang Lễ, Kinh Tuần Cửu (Bên Phật Giáo là Tuần Thất),... nhưng tất cả đều viết bằng tiếng Việt và đa số được viết theo lối văn vần, như thể Thơ song thất lục bát,...

II- ĐẠI ĐÀN VÀ TIỂU ĐÀN

Đại Đàn là một cuộc cúng tế lớn, long trọng với đầy đủ nghi tiết. Do đó, Đại Đàn còn được gọi là Đại Lễ.

Tiểu Đàn là một cuộc lễ nhỏ hơn, với nghi tiết đơn giản hơn Đại Đàn, thời gian ngắn hơn, ít long trọng hơn.

Các Tôn giáo thường xem trọng sự lễ bái; nhưt là đối với Đạo Cao Đài, sự lễ bái cúng kiếng được xem là quan trọng hàng đầu. Thất Nương Diêu Trì Cung có dạy: **“Lễ bái thường hành tâm Đạo khời”**(1) . Mỗi kỳ lễ lớn cúng Đại Đàn tại Đền Thánh và các Thánh Thất kéo dài trên 2 giờ, cúng Tiểu Đàn kéo dài khoảng 1 giờ 30 phút. Ngày thường, mỗi ngày cúng tứ thời: Tý, Ngọ, Mẹo, Dậu, tức là vào các thời: 12 giờ khuya, 12 giờ trưa, 6 giờ sáng và 6 giờ chiều.

A-THIỆT LỄ ĐẠI ĐÀN: Vào những ngày sau đây (Tính theo Âm lịch):

1- Đại Lễ ĐỨC CHÍ TÔN: Mừng 9 tháng Giêng.

2- Ba Ngày Rằm Tam Nguơn:

- Lễ Thượng Nguơn : 15 tháng Giêng

- Lễ Trung Nguơn : 15 tháng Bảy

- Lễ Hạ Nguơn : 15 tháng Mười (Kỷ niệm Ngày Khai Đạo).

3- Đại Lễ HỘI YẾN ĐIỀU TRÌ CUNG: Rằm tháng 8

(Cúng Đại Đàn Đức Phật Mẫu, nhưng Tiểu Đàn Đức Chí Tôn).

4- Vía 3 Vị Giáo Chủ của Tam Giáo và Đức Chúa Jésus

- Vía Đức Phật Thích Ca : 8 – 4

- Vía Đức Thái Thượng Lão Quân : 15 – 2

- Vía Đức Khổng Thánh Tiên Sư : 27 – 8

- Vía Đức Gia Tô Giáo Chủ : 25 -12 (Dương lịch).

5- Vía Tam Trấn và Đức Phạm Hộ Pháp(2) :

- Vía Đức Lý Đại Tiên Trưởng : 18 – 8

- Vía Đức Phật Bà Quan Âm : 19 – 2

- Vía Đức Quan Thánh Đế Quân : 24 - 6.

- Lễ Mừng Ngày Giáng Sinh

của Đức Phạm Hộ Pháp : 05 - 5 (Âm lịch)

B- THIẾT LỄ TIỂU ĐÀN: Vào những ngày sau đây:

- Ngày Mừng Một và ngày Rằm (Cúng Sóc, Vọng)

- Lễ Đưa Chư Thánh: 24 -12 (Âm lịch)
- Lễ Rước Chư Thánh: Đêm Giao Thừa Âm lịch
- Vía Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn: 22 - 5 (Dương lịch)
- Vía các Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiền Khai như: Đức Quyền Giáo Tông, Đức Cao Thượng Phẩm... (Tính theo ngày Qui Thiên).

* **GHI CHÚ:** Lễ Vía chư Chức Sắc Đại Thiên Phong Tiền Khai thì tính theo ngày Qui Thiên, còn lễ vía chư Đấng Thiêng Liêng thì tính theo ngày Giáng Sinh xuống cõi Trần.

C- NHẠC TẤU HUÂN THIÊN.

Trước khi cúng Đại Đàn hay Tiểu Đàn tại Tòa Thánh hay Thánh Thất và Điện Thờ, sau hồi chuông trống thì tới phần Nhạc Tấu Huân Thiên. Tất cả mọi người trong đàn cúng phải đứng nghiêm trang, yên lặng, mặc niệm Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu cùng các Đấng Thiêng Liêng. Đức Hộ Pháp thuyết Đạo có dạy:

“Nên chi, từ đây, **khí Nhạc Tấu Huân Thiên, chúng ta xem quý hơn dâng Tam Bửu** dầu phải lỡ đi nửa chừng trong Đền Thờ, nghe đến đó phải dừng lại, cấm không được đi lộn xộn, thì lễ ấy giảm điều kính trọng dâng cho Chí Tôn mà không nên ... Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn:

- Bát Hồn tư mặc ca Huỳnh Lão,
- Vạn vật đồng tinh niệm Chí Tôn”(3)

. . . . “Khi Nhạc trỗi, cả thầy phải im lặng, hiến cả âm thanh, sự bí mật ấy gọi là Phi Tướng Lễ, chủ ý là trình tấu với Đức Chí Tôn rằng : Các con biết được mầu nhiệm Căn nguyên của Cha Lành, muốn cho các con nối nghiệp theo một khuôn phép trường tồn. Lễ đó trọng hệ như dâng Tam Bửu vậy. Bàn Đạo dặn một lần nữa, khi nào xướng: Nhạc tấu Huân Thiên, thì phải đứng bình tịnh, người nào có vô không kịp thì đứng ngoài mà thôi”.(4)

- Đại Đàn Đại Lễ ĐỨC CHÍ TÔN và ba ngày Rằm Tam Nguơn thì Nhạc Tấu Huân Thiên đờn 7 bài: Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Long Ngâm, Vạn Giá, Tiểu Khúc.

- Đại Đàn Đại Lễ HỘI YÊN ĐIỀU TRÌ CUNG (Vía Đức Phật Mẫu tại Báo Ân Từ), Ba Đấng Giáo Chủ của Tam Giáo, Tam Trấn và Đức Chúa Jêsus Christ ... thì Nhạc Tấu Huân Thiên đờn 5 bài : Xàng Xê, Ngũ Đối Thượng, Ngũ Đối Hạ, Long Đăng, Tiểu Khúc.

- Tiểu Đàn Sóc Vọng, lễ Đưa Chư Thánh, lễ Rước Chư Thánh, và lễ kỷ niệm các Đấng thì Nhạc Tấu Huân Thiên đờn 3 bài:

- 1- Ngũ Đối Hạ: Là Âm (Ngũ Hành, 5 từng trợt khí hạ xuống làm Đất)
- 2- Long Đăng: Là Dương (Rộng bay lên)
- 3- Tiểu Khúc: Là nhỏ ngắn đều có định luật và có tên.
Ấy là Âm Dương sanh sanh hóa hóa.

Cúng Đại Đàn và Tiểu Đàn thì Dâng Tam Bửu: Hoa, Rượu và Trà (Tượng trưng cho Tinh, Khí và Thần)

Nơi Tòa Thánh, Điện Thờ Phật Mẫu và các Thánh Thất, khi đọc Kinh cúng thì có nhạc (Nhạc Dân tộc) để dễ bắt giọng và không bị lạc giọng làm mất tôn nghiêm, có nhịp sanh để dễ bắt nhịp và giữ nhịp đờn. Phần đọc Kinh do các cháu thanh thiếu nhi phụ trách, gọi là Đồng Nhi, dưới sự hướng dẫn của Biện Nhi hay Giáo Nhi. Có Lễ Sĩ (Học trò Lễ) phụ trách dâng Hương và dâng Tam Bửu, theo tiếng nhạc và giọng thài của các Đồng Nhi. Khi tụng Kinh Di Lạc, Kinh Cứu Khổ, Kinh Sám Hối, . . thì không có nhạc, nhưng có mõ và chuông.

Đồng Nhi là các cháu thiếu nhi trong độ tuổi từ 8 đến 15, con nhà Đạo, được tuyển chọn để dạy tụng Kinh trong các thờ cúng tại Đền Thánh, Thánh Thất và Điện Thờ. Sở dĩ chọn các cháu nhỏ là vì các cháu còn ngây thơ trong trắng, chưa nhuộm mùi đời.

Biện Nhi là một Đồng Nhi có tư cách được cử ra để làm đầu Ban Đồng Nhi, điều hành công việc của Ban Đồng Nhi nơi Thánh Thất hoặc nơi Điện Thờ Phật Mẫu. Biện Nhi lãnh lịnh nơi Giáo Nhi hay Trưởng Ban Lễ.

Giáo Nhi là người đã thi đậu cấp bằng của Hội Thánh, có phận sự dạy Đồng Nhi tụng kinh đúng giọng và đúng nhịp đờn.

D- HOÁN ĐÀN.

Chỉ có Đại Đàn nơi Tòa Thánh Tây Ninh mới có đi Hoán Đàn. (Hoán là thay đổi. Đàn là Đàn cúng Đức Chí Tôn).

Hoán Đàn tại Tòa Thánh Tây Ninh trong những kỳ Đại Lễ cúng Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng được thực hiện như sau: Các Chức Sắc, Chức Việc và Đạo hữu Nam, Nữ nhập Đàn, đi từ cấp 1 Cửu Trùng Đài lên đến cấp thứ 9, lên Cung Đạo, rồi vòng qua phía bên kia, trở xuống cấp 1 Cửu Trùng Đài, rồi lại đi trở lên, lập vị theo phẩm bậc.

Cấp 1 Cửu Trùng Đài là bực Địa Thần thuộc Phạm, lên đến cấp 4 là bực Thánh, lên đến cấp 9 là bực Tiên, vào Cung Đạo là bực Phật.

Đi từ cấp 1 lên đến cấp 9 vào Cung Đạo là Phạm lên Tiên Phật (Phạm nhập Thánh); rồi trở xuống là Tiên Phật xuống Phạm (Thánh lâm Phạm), rồi quay trở lên lập vị.

E- CÚNG THỜI.

Cúng Tứ Thời vào mỗi ngày thường:

- 12 giờ Khuya và Trưa : Dâng Rượu, 3 ly rượu mỗi ly rót 3 phân.
- 6 giờ Sáng và Chiều: Dâng Trà, Trà và nước Trắng mỗi tách rót 8 phân.

1- Cúng Thời 12 giờ (Trưa và Khuya) khi dứt bài Dâng Rượu, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng cả trí thức tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.

2- Cúng Thời 6 giờ (Sáng và chiều), khi dứt bài Dâng Trà, cúi đầu cầu nguyện Chí Tôn: “Con xin dâng cả Linh hồn của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”

(Lời dạy của Đức Hộ Pháp trong quyển Bí Pháp “Đức Chí Tôn biểu chúng ta mỗi ngày phải dâng ba món ấy: Ba món trọng hệ hơn hết là Tinh, Khí, Thần. Thường ngày chúng ta chỉ lấy Khí, Thần dâng mà thôi, còn Tinh thì Tiểu Đàn hay Đại Đàn mới có”).

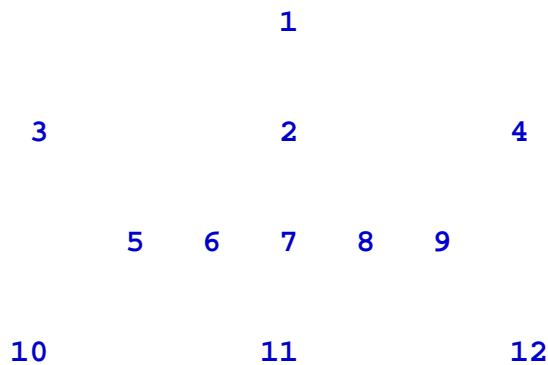
Cúng Thời tại tư gia thì không có nhạc, nhưng tụng Kinh Di Lạc, Kinh Cứu Khổ, Kinh Sám Hối,... thì vẫn có mõ và chuông.

III- THIÊN BÀN.

Thiên Bàn là cái bàn thờ để thờ Trời, tức là thờ Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế.

Người Tín đồ Cao Đài, khi đã Nhập môn cầu Đạo rồi thì phải chọn một nơi cao ráo tinh khiết nhất trong nhà của mình, tốt hơn hết là giữa nhà, để lập Thiên Bàn thờ Đức Chí Tôn.

Sau đây là cách bài trí trên Thiên Bàn Thờ tại tư gia:



(1) THÁNH TƯỢNG

(Mẫu do Hội Thánh ấn định)

(3) Dĩa trái cây

(2) Đèn Thái Cực

(4) Bình bông

(5) Tách nước trà (6.7.8) Ba ly rượu (9) Tách nước trắng

(10.12) Cặp đèn Lương Nghi

(11) Lư hương

Đó là 12 món bắt buộc phải sắp đủ trên Thiên Bàn, không được thiếu mà cũng không được dư. Sự sắp xếp của 12 món phải theo đúng vị trí của sơ đồ trên để hợp thành hình chữ "Chủ" (Từ Hán Việt) với 12 phẩm vật tượng trưng cho Thập Nhị Khai Thiên. Con số 12 là số riêng của Đức Chí Tôn.

(1) THÁNH TƯỢNG: Tượng trưng cho Ngọc Hoàng Thượng Đế và các Đấng trong Tam Giáo, Tam Trấn và Ngũ Chi.

(2) Đèn Thái Cực: Tượng trưng cho Ngôi Thái Cực của Đức Chí Tôn, phải được giữ cho cháy liên tục, không nên để tắt.

(3) Dĩa Trái Cây: Nên chọn đủ 5 loại trái cây (Không kể màu), nếu được 9 loại thì tốt hơn (Số 9 biểu tượng Cửu Thiên Khai Hóa).

(4) Bình Bông: Nên chọn đủ 5 màu (Không kể tên hoa). Năm sắc hoa là: Vàng, đỏ, xanh, trắng, đen. Hoa màu đen khó tìm, nên có thể thay thế bằng màu tím sậm hoặc đỏ sậm. Năm sắc hoa tượng trưng cho Ngũ Tạng và Ngũ Quan của con người, tương ứng với Ngũ Hành trong Trời đất.

(5, 9) Hai tách nước Âm Dương: Nước Trà được nấu chín là Âm. Nước Trắng là Dương, là nước trên Trời rơi xuống, tinh khiết, do Thượng Đế ban cho; vậy nên chọn nước mưa hoặc nước giếng được lọc cho tinh khiết. Nên nhớ là không được đun sôi, vì nếu đun sôi thì hết Dương, tuyệt cơ sinh hóa. Khi cúng, mỗi tách rót 8 phần, tức 8 phần 10.

Chén nước Trà tượng trưng cho Thần, tức là Linh hồn ; số 8 chỉ Bát Phẩm Chơn hồn. Trong Phật Mẫu Chơn Kinh có câu "Bát Hồn vận chuyển hóa thành Chúng sinh".

Cúng Thầy với hai tách nước Âm Dương, là sự cầu nguyện cho Âm Dương hòa hiệp, hai nguồn sống được tương đồng, Chúng sanh thọ hưởng sự sống trong yên lành hạnh phúc. Khi cúng xong, đứng trước Thiên Bàn, hai tay bưng hai tách Nước Âm Dương đưa lên trán cầu nguyện, cầu xin Đức Chí Tôn ban Ân Điển vào Âm Dương Thánh Thủy.

Cầu nguyện xong, lấy **hai tách nước Âm Dương xấp lại gần nhau cho Âm Dương ký tế**, nghĩa là hai mặt nước hiệp nhau, rồi đổ ngay vào chén. Khi khởi rót thì niệm Câu Chú của Thầy, khi dứt câu thì nước trong hai tách cũng đã rót vào chén. Đặt trọn niềm tin mà cầu nguyện nơi Đức Chí Tôn thì nước ấy sẽ có tác dụng như Cam Lộ Thủy, cho người có bệnh uống sẽ lành mạnh, vì người ấy được hưởng một lượt với hai nguồn sống mãnh liệt là Âm Dương hiệp nhưt.

*** GHI CHÚ:**

(1) Trong Quyển "Giảng Đạo Yếu Ngôn" của tác giả Nguyễn Văn Kinh (Hội Thánh giữ Bản Quyền Tái bản năm Kỷ Dậu -1969, trg.27) có ghi như sau:

"Bên tả để một chén NƯỚC TRẮNG gọi là Thái Cang (Tả Thanh Long). Bên hữu một chén NƯỚC CỐ TRÀ gọi là Thái Nhu (Hữu Bạch Hổ).

Trong chén nước có tám phân, bên Âm có trà, bên Dương nước trắng: **Âm Dương hiệp lại thành Đạo.** Đạo gọi là: "Nhị bát hiệp thành nhưt cân chi số đã". (Nghĩa là hai cái tám phân hiệp làm một cân 16 lượng). Chỉ đối trên Trời là Âm Dương, chỉ nơi Đất là cang nhu, nơi người tánh mạng."

(2) Thánh Huấn số 1-NCPS/TH ngày 19 tháng 5 năm Canh Tuất (22/6/1970) của Hội Thánh Cửu Trùng Đài dạy: "Chén nước trắng không được nấu, nếu nấu sôi thì chết Dương, tuyệt cơ sanh hóa" (Theo quyển Thiên Bàn Thờ Tại Tư Gia - Soạn giả HH. Giáo Hữu Thượng Lý Thanh - Kiểm duyệt của Ban Kiểm Duyệt Kinh Sách Hội Thánh ngày 10 tháng 7 năm Canh Tuất -DL. 11-8-1970)

(6, 7, 8) Ba ly Rượu: Ba ly rượu tượng trưng cho Tam Giáo là Nho, Thích, Lão, và Tam Nguơn là Thượng Nguơn, Trung Nguơn, Hạ Nguơn. Nhon loại đang ở vào thời cuối của Hạ Nguơn Tam Chuyển, sắp bước qua Thượng Nguơn Tứ Chuyển, nên gọi là thời Mạt Kiếp. Khi cúng rót rượu mỗi ly 3 phần, 3 ly tổng cộng là 9 phần : Số 3 tượng trưng cho Tam Tài là Thiên, Địa, Nhân và số 9 tượng trưng cho Cửu Thiên Khai Hóa.

*** Nên nhớ:**

- Hoa chỉ về Tinh, dâng Hoa là dâng Mảnh hình hài cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.
- Rượu chỉ về Khí, dâng Rượu là dâng Chơn thần cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.
- Trà chỉ về Thần, dâng Trà là dâng Linh hồn cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng.

(10, 12) Cặp Đèn Lương Nghi: là hai cây đèn đốt lên tượng trưng cho Ngôi Dương và Ngôi Âm của Càn Khôn Vũ Trụ.

(11) Lư Hương: Cắm 5 cây nhang, dù cúng hay không cúng, vẫn phải đốt đủ 5 cây. Nhang cắm vào Lư hương được xếp thành hai hàng: Hàng trong 3 cây, gọi là án Tam Tài (Thiên, Địa, Nhơn), hàng ngoài 2 cây. Trong ba, ngoài hai thì đủ năm, gọi là tượng Ngũ Khí hay án Ngũ Hành. Năm cây nhang ấy tương ứng với ngũ hương trong lòng mình là: Giới Hương, Định Hương, Huệ Hương, Tri Kiến Hương, và Giải Thoát Hương.

Khi cắm nhang, phải cầm thế nào để khi đứng ngay trước Thiên Bàn nhìn vào thì phải thấy đủ 5 cây nhang, không có cây nào che khuất cây nào (Cắm theo chu vi của hình thang cân).

Trong Quyền Thiên Đạo, trang 120 (Bản in tại Hoa Kỳ, do Ban Thế Đạo Hải Ngoại ấn tống vào tháng 7, năm 2001), Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu có giải thích về năm cây nhang ấy như sau:

“Luận về Phép tu tĩnh, năm cây nhang ấy biểu tượng năm giai đoạn tu hành, tùy theo công đức mà nên Đạo quả. **Năm cây nhang ấy gọi Ngũ phần hương** là:

- 1- **Giới hương,** nghĩa là giữ trọn giới cấm cho thân mình trong sạch.
- 2- **Định Hương,** nghĩa là thiền định cho tâm thân an tịnh.
- 3- **Huệ hương,** nghĩa là thiền định rồi thì phát huệ.
- 4- **Tri kiến hương,** nghĩa là phát huệ rồi gia công thêm nữa thì sẽ biết cái màu nhiệm của Tạo Hóa, tức là đặc lục thông.
- 5- **Giải thoát hương,** nghĩa là giải thoát luân hồi quả báo”.

IV- TỨ THỜI.

Tứ Thời là bốn thời điểm đặc biệt trong một ngày đêm, mà hai khí Âm Dương biến đổi: khởi sanh hay giao hòa nhau.

A- Tứ thời gồm: Thời Tý, thời Ngọ, thời Meo, thời Dậu.

- 1- **Thời Tý:** Lúc 0 giờ hay 12 giờ khuya. Lúc đó khí Âm cực thịnh, khí Dương khởi sinh.
- 2- **Thời Meo:** Lúc 6 giờ sáng. Lúc đó hai khí Âm Dương giao hòa nhau vì có cường độ bằng nhau.
- 3- **Thời Ngọ:** Lúc 12 giờ trưa. Lúc đó khí Dương cực thịnh, khí Âm khởi sinh.
- 4- **Thời Dậu:** Lúc 6 giờ chiều. Lúc đó hai khí Âm Dương giao hòa nhau vì có cường độ bằng nhau.

***Thời Tý và thời Ngọ:** Cúng Rượu.

Thời Tý là thời cực Âm sanh Dương, là thời Nguơn khí của Đức Chí Tôn phát khởi.

Thời Ngọ là thời cực Dương sanh Âm, là thời Nguơn khí của Đức Chí Tôn cực thịnh, đầy đủ khí Dương quang soi sáng khắp vũ trụ. Cúng vào những thời này thì khí phách được mạnh mẽ, trí não được sáng suốt : Dâng Chơn Thần (Tức Trí não, hay Trí thức Tinh thần) cho Chí Tôn và Phật Mẫu dùng phương chi thì dùng, và xin Đức Chí Tôn và Đức Phật mẫu ban ơn lành cho Chơn Thần được tinh tấn.

***Thời Meo và thời Dậu:** Cúng nước Âm Dương.

-Nước Trắng: Âm hóa Dương. Nước thiên nhiên có chứa nhiều tạp chất, nên thuộc Âm. Nước trắng cúng Thầy là nước tinh khiết nghĩa là đã được thanh lọc để loại trừ các tạp chất nên trở thành Dương, tức Âm hóa Dương.

-Nước Trà: Dương hóa Âm. Nước trà là nước lọc (Thuộc Dương) được cộng thêm trà nên trở thành Âm, tức Dương hóa Âm.

Thời Mẹo (6 giờ sáng) là giao điểm giữa đêm và ngày tức là từ Âm chuyển sang Dương, giống như Nước Trắng. Thời Dậu (6 giờ chiều) là giao điểm giữa ngày và đêm tức là từ Dương chuyển sang Âm, giống như Nước Trà.

Do vậy mà vào thời Mẹo và thời Dậu thì dùng nước Âm Dương để cúng Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu (Cũng như ở Bàn Hộ Pháp): Dâng Chơn linh (Tức Linh hồn) cho Chí Tôn và Phật Mẫu dùng phương chi thì dùng, và xin Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu ban ơn lành cho Linh Hồn được tấn hóa.

Đạo Cao Đài qui định vào Tứ Thời, tất cả các Tín đồ nên cúng Đức Chí Tôn hay Đức Phật Mẫu tại Thánh Thất hay Điện Thờ, hoặc tại Thiên Bàn nơi tư gia.

B- Cách Tính Giờ Theo Âm Lịch.

Theo Âm lịch, mỗi ngày được chia thành 12 khoảng thời gian bằng nhau, mỗi khoảng ấy được gọi là giờ Âm lịch. Giờ Âm lịch được đặt tên theo Thập nhị Địa chi (12 con giáp) là : Giờ Tý, giờ Sửu, giờ Dần, giờ Mão, giờ Thìn, giờ Tỵ, giờ Ngọ, Giờ Mùi, giờ Thân, giờ Dậu, giờ Tuất, giờ Hợi.

- Giờ Tý là giờ mà lúc đó khí Âm cực thịnh, khí Dương khởi sinh.

Như vậy, Giờ Tý bắt đầu lúc 0 giờ, nên thời điểm 0 giờ được gọi là Chánh Tý tức đầu giờ Tý (Chánh là đứng đầu).

- Giờ Ngọ là giờ mà lúc đó khí Dương cực thịnh, khí Âm khởi sinh.

Như vậy, Giờ Ngọ bắt đầu lúc 12 giờ trưa, nên thời điểm 12 giờ trưa được gọi là Chánh Ngọ hay Chính Ngọ tức đầu giờ Ngọ (Chính Nguyệt: Tháng đầu của năm, tức tháng Giêng. Chính Nhựt: Ngày đầu của tháng, tức ngày Mừng một).

- **Giờ Tý** : từ 0 giờ đến 2 giờ

- **Giờ Ngọ** : từ 12 giờ đến 14 giờ

- **Giờ Mão** : từ 6 giờ đến 8 giờ

- **Giờ Dậu** : từ 18 giờ đến 20 giờ

Những người coi ngày giờ tốt xấu để gả cưới, dựng nhà, khai trương, đều sử dụng **giờ Âm lịch sục lại một giờ**, là vì Thầy coi ngày tốt xấu của Việt Nam đều sử dụng Âm lịch của Tàu và các sách coi ngày giờ của Tàu. Các sách này đều căn cứ theo giờ địa phương của Tàu, tức giờ Bắc Kinh, mà giờ Bắc Kinh thì đi trước giờ Việt Nam 1 giờ.

Như vậy khi sử dụng sách Tàu để coi ngày giờ thì phải lấy giờ Việt Nam trừ bớt 1 giờ cho đúng theo giờ Tàu. Như vậy đối với Thầy coi ngày tốt xấu thì:

- **Giờ Tý** : Từ 23 giờ đến 1 giờ

- **Giờ Ngọ** : Từ 11 giờ đến 13 giờ

- **Giờ Mão** : Từ 5 giờ đến 7 giờ

- **Giờ Dậu** : Từ 17 giờ đến 19 giờ.

V- NHẬP ĐÀN CÚNG ĐỨC CHÍ TÔN.

A- CHẤP TAY BẮT ẤN TÝ.

Khi nhập Đàn cúng Đức Chí Tôn thì chấp tay “Ấn Tý” (5), cách làm như sau:

- Tay trái: Bấm đầu ngón cái vào gốc ngón áp út (Tức ngay cung Tý), rồi nắm lại.

- Bàn tay mặt: Áp ngoài, rồi ngón cái tay mặt xô vào giữa ngón cái và ngón trỏ của bàn tay trái, chỉ ngay cung Dần.

(Sách có câu: “Thiên khai ư Tý, Địa tịch ư Sửu, Nhơn sanh ư Dần”)

B- NIỆM, CÚI ĐẦU VÀ LẠY.

Đưa hai tay như vậy mà đưa lên trán, xá sâu 3 xá rồi quỳ xuống để tay chắp Ấn Tý ngay ngực. Khi nghe tiếng chuông thì đưa hai tay chắp Ấn Tý lên trán mà niệm: “**Nam mô Phật**”, đưa qua bên trái niệm: “**Nam mô Pháp**”, đưa qua bên mặt niệm: “**Nam mô Tăng**”, rồi để ngay ngực mà niệm:

- Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát (Cúi đầu).
- Nam mô Quan Thế Âm Bồ Tát Ma Ha Tát (Cúi đầu).
- Nam mô Lý Đại Tiên Trưởng kiêm Giáo Tông Đại Đạo TKPD (Cúi đầu).
- Nam mô Hiệp Thiên Đại Đế Quan Thánh Đế Quân (Cúi đầu).
- Nam mô Chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần (Cúi đầu).

Nên nhớ là cúi đầu (Hay gập đầu) chớ không phải xá.

Khi lạy thì hai bàn tay úp xuống và trải ra, hai ngón cái phải gác chéo nhau.

Tiếp theo thì bắt đầu tụng các bài Kinh: Niệm Hương, Khai Kinh, . . .

Trong lúc tụng Kinh, khi đọc đến những chữ quan trọng thì cúi đầu, nên nhớ là cúi đầu chớ không phải xá (Điều này có ghi rõ trong quyển Kinh Thiên Đạo và Thế Đạo do Hội Thánh ấn hành), nghĩa là hai tay chắp Ấn Tý vẫn để yên nơi ngực và chỉ cúi đầu xuống mà thôi, không cử động hai tay. (Những chữ phải cúi đầu thì thường được in đậm trong quyển Kinh).

1- Trong bài Niệm Hương: (Cúi đầu 5 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Kính thành cầu nguyện Tiên gia (Câu thứ 4)
- Thần, Thánh (Câu thứ 5)
- Khấn nguyện (Câu thứ 7)
- Trời, Đất (Câu thứ 8)
- Ởn Trên (Câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gập, mỗi gập niệm: “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” .

2- Trong bài Khai Kinh: (Cúi đầu 6 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Tổ Sư Thái Thượng Đức Ông (Câu thứ 3)
- Tam Giáo (Câu thứ 5)
- Trung Dung Khổng Thánh (Câu thứ 7)
- Từ bi Phật (Câu thứ 8)
- Tiên Đạo (Câu thứ 9)
- Thánh Kinh (Câu chót).

b- Không có lạy.

3- Trong bài Kinh Ngọc Hoàng Thượng Đế: (Cúi đầu 6 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Đại La Thiên Đế Thái Cực Thánh Hoàng (Câu 1 và 2)
- Đại Từ Phụ (Câu 24)
- Nhật, Nguyệt, Tinh, Thần chi Quân (Câu 27)
- Thánh, Thần, Tiên, Phật, chi Chủ (Câu 28)
- Huyền Khung Cao Thượng Đế, Ngọc Hoàng (Câu 38 và 39)
- Đại Thiên Tôn (Câu 40, tức câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gập, mỗi gập niệm: “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát” .

4- Trong bài Kinh Thích Giáo: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Hỗn Độn Tôn Sư, Càn Khôn Chủ Tể (Câu 1 và 2)
- Nhiên Đăng Cổ Phật (Câu kể chót)
- Vô vi Xiển giáo Thiên Tôn (Câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm: “Nam mô Nhiên Đăng Cổ Phật Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

5- Trong bài Kinh Tiên Giáo: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Thái Thượng Đạo Quân (Câu thứ 2)
- Thái Thượng Đạo Quân (Câu kể chót)
- Chưởng Giáo Thiên Tôn (Câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm: “Nam mô Thái Thượng Đạo Tổ Tam Thanh Ứng Hóa Thiên Tôn”.

6- Trong bài Kinh Nho Giáo: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Văn Thi (Câu thứ 2)
- Văn Tuyên Tư Lộc (Câu thứ 16)
- Bửu Quang từ tế Thiên Tôn (Câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm: “Nam mô Khổng Thánh Tiên Sư Hưng Nho Thạnh Thế Thiên Tôn”.

7- Trong bài Dâng Hoa: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Từ Bi (Câu thứ nhứt)
- Kính lễ (Câu thứ 3)
- Thượng Đế (Câu thứ 4, tức câu chót).

Xong đưa tay lên trán Nguyên: **“Con xin dâng Mảnh hình hài của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.**

b- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh Thầy.

8- Trong bài Dâng Rượu: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Thiên ân (Câu thứ nhứt)
- Khẩu cung (Câu thứ 3)
- Ngưỡng ân sinh (Câu thứ 4, tức vào chót).

Xong đưa tay lên trán Nguyên: **“Con xin dâng cả Trí thức Tinh thần của con cho Chí Tôn dùng phương nào thì dùng”.**

b- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh Thầy.

9- Trong bài Dâng Trà: (Cúi đầu 3 lần)

a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Kính lễ (Câu thứ 2)
- Từ Bi (Câu thứ 3)
- Đại Đạo (Câu thứ 4, tức câu chót).

Xong đưa tay lên trán Nguyên: **“Con xin dâng cả Linh Hồn con cho dùng phương nào thì dùng”.**

Câu chót, nên Nguyên gồm chung lại như sau : **“Cả Linh hồn, cả Trí não, cả Hình hài con, Thầy đào tạo, đó là của Thầy thì do nơi quyền hành độc đoán của Thầy định”.**

b- Lạy 1 lạy 4 gật, mỗi gật niệm Danh Thầy.

* **GHI NHỚ:** Những lời Nguyên sau các bài dâng Tam Bửu là do Đức Hộ Pháp dạy cho. Cúng Thời ngày thường chỉ dâng có một Bửu thì Nguyên theo Bửu ấy: 12 giờ khuya và trưa cúng Rượu thì dâng Chơn thần, 6 giờ sáng và chiều cúng Trà thì dâng Linh hồn Trí não (Hay Trí thức và Tinh thần) tượng trưng cho Chơn Thần.

10- Trong bài “Ngũ Nguyệt”: (Cúi đầu 5 lần)
a- Cúi đầu khi đọc các chữ:

- Đại Đạo hồng khai (Câu thứ 1)
- Phổ độ Chúng sanh (Câu thứ 2)
- Xá tội Đệ tử (Câu thứ 3)
- Thiên hạ thái bình (Câu thứ 4)
- Thánh Thất an ninh (Câu chót).

b- Lạy 3 lạy, mỗi lạy 4 gật, mỗi gật niệm: “Nam mô Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”.

VI- NHẬP ĐÀN CÚNG ĐỨC PHẬT MẪU.

Khi nhập Đàn cúng Đức Phật Mẫu thì cũng chắp tay Ấn Tý, xá 3 xá, quì xuống để tay lên trán, niệm:

- Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn (Cúi đầu)
- Nam mô Cửu Vị Tiên Nương (Cúi đầu)
- Nam mô Bạch Vân Động Chư Thánh (Cúi đầu).
(Không lấy dấu Phật, Pháp, Tăng).

Tiếp theo, tụng các bài Kinh sau đây:

- Niệm Hương (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).
- Khai Kinh (Cúi đầu, không có lạy).
- Phật Mẫu Chơn Kinh (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).
- Tán Tụng Công Đức Diêu Trì Kim Mẫu (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).
(Bài này ngày Đàn Sóc, Vọng và Lễ Vía khởi đọc).
- Dâng Tam Bửu (Mỗi bài lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật).
Ngày thường, cúng Thời thì Thời nào dâng Bửu nấy.
- Ngũ Nguyệt (3 lạy, mỗi lạy 3 gật).

Mỗi lần lạy Đức Phật Mẫu thì lạy 3 lạy, mỗi lạy 3 gật, mỗi gật niệm: “Nam mô Diêu Trì Kim Mẫu Vô Cực Thiên Tôn”.

*** GHI NHỚ:**

- Khi cúng Đại Đàn hoặc Tiểu Đàn Đức Chí Tôn, sau mỗi bài dâng Hoa, dâng Rượu và dâng Trà chỉ lạy có một lạy (Mỗi lạy 4 gật).

- Nhưng khi cúng Đại Đàn Đức Phật Mẫu, sau mỗi bài dâng Hoa, dâng Rượu và dâng Trà thì lạy ba lạy (Mỗi lạy 3 gật). Cúng Đức Phật Mẫu thì chỉ có một Nghi tiết Đại Đàn (Và cúng Thời), không có Nghi tiết Tiểu Đàn.

PHÂN CHÚ THÍCH:

(1) Câu “**Lễ bái thường hành tâm Đạo khởi**” là lời dạy của Thất Nương Diêu Trì Cung trong bài Thái Hội Yến Diêu Trì, (Câu đầu tiên).

(2) Theo “Thánh Lịnh số 24 TL/TL.HTĐ. ngày 22-4 Ất Mão, DL. 01-6-1975” của Ngài Hiệp Pháp, Chương Quản Hiệp Thiên Đài.

(3) Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp về “**Ý NGHĨA LỄ NHẠC**” tại Đền Thánh đêm mừng 1 tháng 8 năm Đinh Hợi (1947)

(4) Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp “**Ý NGHĨA VỀ NHẠC TẤU HUÂN THIÊN**” tại Báo Ân Từ thời Ngô, Rằm tháng 4 năm Mậu Tý (23-5-1948)

(5) Phần Ghi chú “**Về bắt Ấn Tý**”, Mục “**Ý Nghĩa Sự Lạy**”, trong **Quyển Thiên Đạo** (Ngài Bảo Pháp Nguyễn Trung Hậu và Ông Phan Trường Mạnh) có ghi như sau: “Bắt Ấn, người ta tréo mấy ngón tay lại, hoặc đưa ngón này vô, đưa ngón nọ ra theo một cách thức riêng. Nguyên trong mấy ngón tay, có ngón xuất điển quang như ngón trỏ và ngón út; có ngón tiếp điển quang ở ngoài như ngón giữa và ngón áp út. Phạm muốn khởi tiếp Tà điển, khi bắt Ấn, người ta co ngón giữa và ngón áp út lại hoặc tréo nhau theo cách thức riêng, đồng thời lại đưa thẳng ngón trỏ và ngón út đằng xuất điển để chống cự hoặc xua đuổi Tà điển.

Còn ngón cái là nguồn chứa sinh lực, phải co lại đặng tránh Tà điển làm tổn thương sinh lực.
Bắt Ấn Tý thì dùng ngón cái tay trái ấn vào ngón áp út (Cũng tay trái) chỗ Cung Tý rồi nắm trọn tay lại.
Vì Đức Thượng Đế là Đại Từ Bi, cho nên Ấn của Ngài chỉ dùng cho chúng ta hộ thân, chứ không can xuất
điển nên ngón trở và ngón út không đưa thẳng ra như bắt Ấn khác.”

Chuyên Đề: TÌM HIỂU ĐẠO CAO ĐÀI

BÀI ĐỌC THÊM:

(Kèm theo Bài số 02 "LỄ BÁI TRONG ĐẠO CAO ĐÀI")

(Hình Đàn Cúng Tại Tòa Thánh Tây Ninh-VN)

Phần I- Ý NGHĨA SỰ LẠY

A- LAY LÀ GÌ?

(Trích Thánh Ngôn Hiệp Tuyển, Q1., 1964, Trg.10-11)
(25 Fevrier 1926)

NGỌC HOÀNG THƯỢNG ĐẾ VIẾT CAO ĐÀI
TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT
GIÁO ĐẠO NAM PHƯƠNG

Tr . . . vô giữa bái lễ cho Thầy coi . . .
Con làm lễ đúng, song mỗi gặt, con nhớ niệm câu chú của Thầy:

“NAM MÔ CAO ĐÀI TIÊN ÔNG ĐẠI BỒ TÁT MA HA TÁT”.

Đại lễ là làm lễ ba lần:

Lần đầu dâng Hương và Hoa,

Lần giữa dâng Rượu

Lần chót dâng Trà.

Phải chính mình con dâng Lễ ấy.

Khi bái lễ, hai tay con chấp lại, song phải để **tay trái ẤN TÝ, tay mặt ngửa ra nằm dưới, tay trái chụp lên trên.**

Từ đây, (25-2-26), 13 tháng giêng năm Bính Dần, con phải may riêng một bộ áo lễ, tay rộng, cổ trịch, như áo Đạo, nhưng phải gài chín mối, màu xanh da trời. Con nhớ mang giày gai đặng hầu Thầy, còn nhưt nhưt đều để chơn không hết.

Lay là gì?

Là tỏ ra bề ngoài, lễ kính trong lòng.

Chấp hai tay lại là tại sao?

Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm Dương. Âm Dương hiệp nhứt, phát khởi Càn Khôn. Sanh sanh hóa hóa tức là Đạo.

Lạy kẻ sống hai lạy là tại sao?

Là nguồn cội của Nhơn sanh lương hiệp Âm Dương mà ra, Ấy là Đạo.

Vong phạm lạy bốn lạy là tại sao?

Là vì hai lạy của phần người, còn một lạy Thiên, một lạy Địa.

Lạy Thần, lạy Thánh thì ba lạy là tại sao?

Là lạy Đấng vào hàng thứ ba của Trời, và cũng chỉ rằng lạy Tinh, Khí, Thần hiệp nhứt. Ấy là Đạo.

Lạy Tiên, lạy Phật thì chín lạy là tại sao?

Là lạy chín Đấng Cứu Thiên khai hóa.

Còn lạy Thầy mười hai lạy là tại sao?

Các con không biết đâu.

Thập nhị khai Thiên là Thầy, Chúa cả Càn Khôn Thế Giới; nắm trọn Thập Nhị Thời Thần vào tay.

Số mười hai là số riêng của Thầy.

B- CÁCH LAY NHƯ THẾ NÀO?

***Trích trong Quyển "GIẢNG ĐẠO YẾU NGÔN"- Tác giả: Nguyễn văn Kinh**

(Hội Thánh giữ Bản Quyển- Tái bản Năm Kỷ Dậu-1969)

Lạy chấp hai tay Ấn Tý.

Tả thuộc Dương, hữu thuộc Âm. Ấn Tý đó là chỉ "**Thiên Khai ư Tý**". Trời mở nơi đầu Hội Tý. Sách gọi: Vô danh Thiên Địa chi thì là khi trước chưa có Trời Đất gọi là "Hư không Nhứt Khí". Còn tay mặt thuộc phía Âm, áp ngoài bàn tay trái là Âm Dương bào áp. Khí Âm ở ngoài, khí Dương ở trong. Âm Dương lương hiệp kêu Càn Khôn định vị.

Còn ngón cái tay mặt chỉ qua ngôi Dần bên tay trái, tay Âm chỉ qua tay Dương là dấu tỏ "**Nhơn sanh ư Dần**". Dương Trung hữu Chơn Âm, trong bàn tay Dương có ngón Âm ẩn trong, nên người bắm khí Âm Dương mà sanh, mới có Hậu Thiên hình chất.

Bồi Nhứt Kỳ Phổ Độ sơ Long Huê Hội, Thái Thượng lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay chấp nắm co lại, như cái bông búp.

Qua Nhị Kỳ Phổ Độ Nhị Long Huê Hội, Thích Ca lập Đạo dạy cách lạy hai bàn tay sè ra nhập sát lại một, như bông nở.

Nay đến Tam Kỳ Long Huê Hội, Đức Chí Tôn lập Đạo dạy cách lạy chấp tay ấn Tý, kết quả lại như trái cây có hạt, kêu là kết quả thân viên, độ tận Chúng sanh trở về cựu Vị (Ngôi cũ) là **Hạ Nguơn thân viên kết quả Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Quy Nguyên Phục Nhứt**.

Trước khi vào lạy, đứng ngay thẳng rồi xá ba xá, chỉ tỏ dấu thành kính, tam dương khai thới, Đạo lập lần thứ ba cho hiệp Chơn Lý. Khi chấp tay đưa lên trán chỉ dấu kính Thiên, xá xuống chỉ gối chỉ dấu kính Địa, đem về để ngay ngực chỉ dấu kính Nhơn, cũng đều gom lại Tâm mà thành kính Đức Chí Tôn

Nên lạy cũng cho phù hợp theo Nguơn Hội mới nhằm Đạo, nên cách lạy phải như thế vậy.

C- VỀ LAY

***Tài liệu có giá trị tham khảo**

(Trích Cao Đài Tự Điển - Tác giả: HT. Nguyễn văn Hồng)

" Khi Lạy Đức Chí Tôn, lạy Đức Phật Mẫu, lạy Chư Thần, Thánh, Tiên, Phật hay lạy người sống, lạy vong phạm người chết, lạy Ông Bà Tổ Tiên, chúng ta đều phải bắt Ấn Tý.

Điều đáng lưu ý ở đây là lạy vong phạm bốn lạy gồm: Hai lạy đứng và hai lạy quì. Hai lạy đứng là lạy Âm và Dương, hai lạy quì là lạy Thiên và Địa. Dù lạy đứng hay quì, tay đều bắt Ấn Tý.

Vong phạm là vong hồn của người phạm, tức là người bình thường không có Đạo. Nếu một người phạm đã ý thức được việc đời là giả tạm, công danh phú quý là phiền não khổ đau, muốn quay bước vào đường tu hành, Nhập môn cầu Đạo, lập Minh thệ cùng Đức Chí Tôn, giữ gìn Luật Đạo đúng theo Tân Luật của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, ăn chay mỗi tháng đúng 10 ngày thì người ấy trở thành một **Môn đệ của Đức Chí Tôn và như vậy, họ đã vượt qua bậc phạm bước vào bậc Địa Thần.**

Đó là Hồng ân đặc biệt của Đức Chí Tôn ban cho các Môn đệ trong thời Đại Ân Xá. Hễ vào làm Môn đệ của Đức Chí Tôn giữ tròn Đạo hạnh và Luật Đạo thì Đức Chí Tôn ban ân cho vào phẩm Địa Thần. Nếu học Đạo cao thêm chút nữa, lập đức bồi công được bổn Đạo tín nhiệm đưa lên làm **Bàn Trị Sự nơi Hương Đạo thì được đứng vào phẩm Nhơn Thần.**

Do đó, khi một Tín đồ Cao Đài qui liễu, nếu Vị đó ăn đủ 10 ngày chay và giữ tròn Luật Đạo, được hưởng Phép Xác và Phép cắt đứt 7 dây oan nghiệt, thì chúng ta phải lạy theo Bậc Thần, tức là quỳ lạy ba lạy không gặt, chớ không thể lạy theo vong phạm được.

Phần II- Ý NGHĨA VỀ " NHẠC TẤU HUÂN THIÊN "

***Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp.**

(Tại Báo Ân Từ Thời Ngọ Rằm tháng 4 năm Mậu Tý/ DL. 23-5-1948)

Có điều màu nhiệm nên nay Bàn Đạo giảng về Lễ Nhạc để tránh sự thất lễ khi vô hành lễ, vì không hiểu nghĩa lý, không biết thủ lễ theo phép cho y khuôn khổ khi **"Nhạc tấu Huân Thiên".**

Bên Á Đông, trong nền Đạo Cao Đài có trống, có chuông, còn bên Âu Châu có chuông mà không có trống là tại sao? Tại sao Á Đông dùng trống còn Âu Châu dùng chuông? Trống âm thanh của Đạo.

Thuở chưa có Càn Khôn Vũ Trụ, Đạo giáo có dạy : Hai lần Nguơn khí dựng lại nở ra khối lửa, khối lửa ấy là ngôi Thái Cực. Chủ ngôi Thái Cực là Đức Chí Tôn. Khi nào Trời sét nổ, chúng ta nghe sao? An Nam mình kêu "Ăm" còn theo Đạo Pháp kêu "Úm". Vì cơ phép Phật sửa lại là "Úm": **"Úm ma ni bát rị hồng"**. **Câu ấy đọc có nghĩa là nắm cả quyền năng Vũ trụ quản suất trong tay.**

Tiếng nổ ta nghe nó ra sao? Khi nổ rồi còn nghe tiếng bay xa, nguyên căn của tiếng nổ là tiếng trống, còn giọng ngân là tiếng chuông. Ấy vậy, nguyên căn của Đạo giáo do bên Á Đông này, có tiếng trống ngân bay qua Âu Châu, nên các Đạo giáo Âu Châu đều là hưởng ứng theo Phật Giáo mà Phật giáo xuất hiện nơi Á Đông. Vì vậy mà các nền Tôn giáo phụ thuộc đều không dùng theo Nguyên tắc căn bản.

Còn tại sao khi vô làm lễ, lúc **"Nhạc tấu Huân Thiên tức là lễ hiến dâng sự sống cho Đức Chí Tôn là Thầy của cả Càn Khôn vạn vật,** Bàn Đạo thường nhắc nhở tất cả phải đứng ngay ngắn, nghiêm chỉnh. Nhạc là hưởng ứng của cả khối sanh quang của Càn Khôn Vạn vật đồng thanh".

Nơi Á Đông có câu **"Biểu thổ cách mộc thạch kim dữ tự trước nãi bát âm"**. Các vật vô năng mà nói đặng có trật tự niêm luật hòa nhau là đạt Đạo, hiệp lại với tiếng Kinh mình đọc là âm thanh, nghĩa là con người cùng vạn vật đồng thanh hiến lễ. Nơi Ngọc Hư Cung có đôi liễn:

"Bát Hồn tư mặc ca Hoàng Lão,

Vạn vật đồng thanh niệm Chí Tôn"

Khi nhạc thổi, cả thầy phải im lặng, hiến cả âm thanh sự bí mật ấy gọi là Phi-Tướng-Lễ chủ ý là trình tấu với Đức Chí Tôn rằng: Các con biết được màu nhiệm căn nguyên của Cha lành muốn cho các con nổi nghiệp theo một khuôn phép trường tồn.

Lễ đó trọng hệ như dâng Tam Bửu vậy. Bàn Đạo dặn một lần nữa: Khi nào xướng "Nhạc tấu huân Thiên" thì phải đứng bình tịnh, người nào có vô không kị thì đứng ngoài mà thôi.

Phần III- Ý NGHĨA VỀ " ĐI HOÁN ĐÀN "

(Cúng Đại Đàn)

***Lời Thuyết Đạo của Đức Hộ Pháp**
(Tại Đền Thánh, Đêm rằm tháng 2 năm Mậu Tý – DL.25-3-1948)
(LỄ THÁI THƯỢNG)

Nay Bàn Đạo định giảng tiếp, nhưng bị vụ Hoán Đàn mà không cho vô, nên Bàn Đạo phải giảng nghĩa rõ vì sao mà không cho vô ấy, vậy có đứng lâu mỗi chân xin cả thầy đừng phiền nghe! .

Không có điều chi Chí Tôn để trong Pháp giới của Ngài trong cửa Đạo này mà không có nghĩa lý. Ít nữa mình không biết thì phải tìm cho biết, coi tại sao như Thầy Chùa chạy kim đàn vậy, tìm cho ra duyên cớ đặng hiểu biết bên trong Pháp giới của Đức Chí Tôn là thế nào mà hình thể bên ngoài lại dị kỳ làm vậy. Không biết phải hỏi, cả thầy nên biết rằng, không một điều gì trong nền Tôn giáo này mà vô nghĩa lý đa nghe! .

Tại sao phải Hoán Đàn, Nam, nữ chen nhau? **Đó là Bùa Pháp Luân Thường Chuyển.** Tại sao Đức Chí Tôn đều Bùa Pháp Luân Thường Chuyển tại Thế này, đặng chi vậy? Hiện đã mần Hạ Ngươn Tam chuyển, bắt đầu Thượng Ngươn Tứ Chuyển ta gọi là Khai Ngươn nên phải để cho Pháp Luân chuyển.

Ta đã biết thời Tiên Thiên Khí, Hậu Thiên Khí chuyển làm một mới đặng Đạo đặng. Cả thầy đều biết qua Cửu Trùng Đài này là Cửu Thiên Khai Hóa, còn Cung trên kia là Cung Đạo.

Từ trước đến nay, mỗi người mãi miết tìm Đạo mà Chí Tôn để giữa đó, trước mắt mà không biết. Đi chín tầng Trời để cho phần Hồn đi cho cùng tốt cửu phẩm Thần, Thánh, Tiên, đến Phật, tức là Phật xuống phàm, rồi phàm trở lại Phật, chuyển luân như vậy, Bí pháp gọi là đặng Đạo.

Tại sao cả thầy không tìm hiểu, rồi không chịu vô Hoán Đàn, sợ mỗi chân, chờ trong này thiên hạ đi giáp rồi mới vô cúng mà thôi.

Cũng vì bởi không Hoán Đàn là không đặng được Thế pháp đó không đủ theo Pháp giới của Đức Chí Tôn, nên người cầm Pháp có phận sự không cho vô tức là không cho làm loạn Đạo.

HẾT
